TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 29/12/2023.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Dương Thị Liên
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Mai Phú
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/12/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-KDTM ngày 18/3/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05/7/2023; Quyết định hoãn phiên toà sơ thẩm số 25/2023/QĐST-KDTM ngày 04/8/2023; Thông báo dời ngày xét xử số 17/2023/TB-TA ngày 25/8/2023; Quyết định hoãn phiên toà sơ thẩm số 29/2023/QĐST-KDTM ngày 05/9/2023; Quyết định tạm ngừng phiên toà sơ thẩm số 31/2023/QĐST-KDTM ngày 18/9/2023; Quyết định hoãn phiên toà sơ thẩm số 35/2023/QĐST-KDTM ngày 26/9/2023; Quyết định hoãn phiên toà sơ thẩm số 38/2023/QĐST-KDTM ngày 26/10/2023; Quyết định tạm ngừng phiên toà sơ thẩm số 40/2023/QĐST-KDTM ngày 16/11/2023; Quyết định hoãn phiên toà sơ thẩm số 127/2023/QĐST-KDTM ngày 08/12/2023; Quyết định tạm ngừng phiên toà sơ thẩm số 46/2023/QĐST-KDTM ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1).

Trụ sở: Số G T, quận H, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp:
1/ Bà Ngô Thu H – Chức vụ: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật.
2/ Ông Tôn Thất H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S

(S1) chi nhánh tỉnh L - Địa chỉ: Số A P, Phường B, thành phố Đ - là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/7/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Ông H1 uỷ quyền lại cho:

1/ Ông Đào Hồng K, chức vụ chuyên viên Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) chi nhánh tỉnh L.

2/ Ông Ngô Đình L, chức vụ chuyên viên Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) chi nhánh tỉnh L.

(Theo Giấy uỷ quyền lại ngày 19/7/2023)

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ.

Trụ sở chính: Số A C, Phường I, thành phố Đ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Châu N, sinh năm: 1978;

Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Địa chỉ: Số C L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

(Ông K có mặt tại phiên tòa; ông N có đơn đề nghị vắng mặt; Các đương sự khác đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2021 và lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tôn Thất H1, cũng như lời trình bày của ông K, ông L thì:

Ngày 11/12/2015 thì Công ty TNHH Đ (Sau đây viết tắt là công ty Đ) có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) chi nhánh tỉnh L (Sau đây viết tắt là Ngân hàng S1) số tiền 7.605.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 618/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400.

Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng một lần. Khi vay có thế chấp 30 chiếc xe ô tô con hiệu KIA đứng tên chủ phương tiện là Công ty Đ.

Ngày 30/12/2015, Công ty Đ vay Ngân hàng S1 số tiền 2.652.500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 704/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400.

Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng một lần.

Ngày 31/12/2015, Công ty Đ vay Ngân hàng S1 số tiền 5.070.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 702/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400.

Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng một lần.

Ngày 25/3/2016, Công ty Đ vay Ngân hàng S1 số tiền 1.060.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 121/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400.

Thời hạn vay 60 tháng, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng một lần.

Ngày 09/5/2016, Công ty Đ vay Ngân hàng S1 số tiền 530.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 260/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400.

Thời hạn vay 60 tháng, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng một lần.

Ngày 08/7/2016, Công ty Đ vay Ngân hàng S1 số tiền 530.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 398/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400.

Thời hạn vay 60 tháng, lãi trả hàng tháng, gốc trả 03 tháng một lần.

Ngày 29/11/2016, Công ty Đ vay Ngân hàng S1 số tiền 7.470.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 859/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400.

Thời hạn vay 60 tháng, gốc lãi hàng tháng.

Công ty Đ có bàn giao cho Ngân hàng SHB các tài sản thế chấp xử lý để thu hồi nợ, hiện nay còn 05 xe chưa bàn giao gồm các xe biển số: 49A-122.78; 49A-117.13, 49A-122.23; 49A-124.51; 49A-150.05.

Hiện nay tất cả các hợp đồng trên đều quá hạn nhưng phía công ty Đ vẫn chưa thanh toán. Nay nguyên đơn Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Buộc bị đơn Công ty Đ có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng S1 Chi nhánh L nợ gốc 2.550.854.251đ và nợ lãi tạm tính đến ngày khởi kiện cụ thể: lãi trong hạn 7.351.801.659đ, lãi quá hạn 1.718.843.870đ, phí phạt là lãi chậm trả lãi 1.662.122.163đ. Tổng cộng là 13.283.621.943đ.

- Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp đối với các tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án: 05 xe của Công ty Đ chưa bàn giao gồm: 49A-122.78; 49A-117.13, 49A-122.23; 49A-124.51; 49A-150.05.

Ông Đoàn Châu N là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Đ trình bày:

Hiện nay Công ty TNHH Đ đã đăng ký thay đổi về chủ sở hữu thì chủ sở hữu là ông (Đoàn Châu N, sinh năm: 1978); Địa chỉ: Số C L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đoàn Châu N, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Số C L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 05/8/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 04/11/2022.

Ông cũng thừa nhận công ty Đ có vay Ngân hàng S1 chi nhánh L theo các hợp đồng tín dụng như phía nguyên đơn trình bày. Trong quá trình vay vốn công ty Đ có thế chấp 64 chiếc xe ô tô hiệu Kia morning; 09 xe hiệu Toyota Innova.

Trong quá trình vay do không trả được nợ Ngân hàng S1 chi nhánh L nên công ty Đ đã giao 64 chiếc xe ô tô hiệu Kia morning; 09 xe hiệu Toyota Innova cho Ngân hàng S1 chi nhánh L để bán thu hồi nợ. Hiện nay công ty còn nợ số tiền gốc 2.550.854.251đ và nợ lãi tạm tính đến ngày khởi kiện cụ thể: lãi trong hạn 7.351.801.659đ, lãi quá hạn 1.718.843.870đ, phí phạt là 1.662.122.163đ. Tổng cộng là 13.283.621.943đ.

Theo nguyên đơn khởi kiện thì công ty đồng ý trả nợ gốc còn đề nghị phía nguyên đơn miễn cho công ty số tiền lãi trong hạn 7.351.801.659đ, lãi quá hạn 1.718.843.870đ, phí phạt là 1.662.122.163đ và các loại phí phát sinh.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, ông K là người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn Ngân hàng S1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án: Buộc bị đơn Công ty Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1 chi nhánh L nợ gốc, nợ lãi và phí phạt là lãi chậm trả lãi tính đến ngày xét xử tổng số tiền 14.126.529.003đ, trong

đó số tiền nợ gốc là 2.550.854.251đ; nợ lãi trong hạn là 6.865.842.266đ; nợ lãi quá hạn số tiền 2.687.197.283 và số tiền lãi chậm trả lãi là 2.022.635.188đ. Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp đối với các tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án: 05 xe của Công ty Đ chưa bàn giao gồm các xe ô tô con mang biển kiểm soát: 49A-122.78; 49A-117.13, 49A-122.23; 49A-124.51; 49A-150.05.

Còn ông Đoàn Châu N là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Đ vắng mặt và có đơn đề nghị đề ngày 24/10/2023 có nội dung: xin vắng mặt tại các phiên toà, đồng thời xin trả dần số tiền gốc và xin được miễn toàn bộ số tiền lãi, phí và các khoản phát sinh khác nếu có tại ngân hàng S1 chi nhánh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP S (S1). Buộc bị đơn Công ty TNHH Đ trả cho ngân hàng S1 số nợ gốc là 2.550.854.251đ theo hợp đồng tín dụng số 618/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 11/12/2015; hợp đồng tín dụng số 702/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 31/12/2015; hợp đồng tín dụng số 859/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 và số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn quy định tại các hợp đồng tín dụng số 618/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400; hợp đồng tín dụng số 704/2015/HĐTD-PN/SHB.120400; hợp đồng số 702/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400; số 121/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400; số 260/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400; hợp đồng số 398/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 và số 859/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 mà ngân hàng S1 và Công ty TNHH Đ đã ký kết và công ty TNHH Đ tiếp tục trả nợ lãi trong hạn, quá hạn cho đến khi công ty thanh toán xong cho ngân hàng. Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp đối với các tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án là: 05 xe của Công ty TNHH Đ chưa bàn giao gồm: 49A- 122.78; 49A-117.13, 49A-122.23; 49A-124.51; 49A-150.05 theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 618/2015/HĐTC-PN/SHB.120400; số 702/2015/HDTC-PN/SHB.120400 và 859/2016/HDTC-PN/SHB.120400. Chấp nhận yêu cầu của ngân hàng TMCP S đối với phí phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp:

Xuất phát từ việc Công ty TNHH Đ (Sau đây viết tắt là công ty Đ) ký kết các hợp đồng tín dụng để vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) chi nhánh tỉnh L cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 618/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 11/12/2015 để vay số tiền 7.605.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số 704/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 30/12/2015 để vay số tiền 2.652.500.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số 702/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 31/12/2015 để vay số tiền 5.070.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số 121/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 25/3/2016 để vay số tiền 1.060.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số 260/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 09/5/2016 để vay số tiền 530.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số 398/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 để vay số tiền 530.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số 859/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 29/11/2016 để vay số tiền 7.470.000.000đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ đã cam kết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 2.550.854.251đ, nợ lãi tạm tính đến ngày khởi kiện cụ thể: lãi trong hạn 7.351.801.659đ, lãi quá hạn 1.718.843.870đ, phí phạt là số tiền lãi chậm trả lãi là 1.662.122.163đ và tiếp tục chịu lãi phát sinh, đồng thời duy trì biện pháp thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án. Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về các khoản tiền lãi, phí và các khoản phát sinh khác nên các bên phát sinh tranh chấp. Do hợp đồng được ký kết tại thành phố Đ, bị đơn có trụ sở tại thành phố Đ vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông Đoàn Châu N là người đại diện theo pháp luật của Công ty 179 vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt các phiên toà đề ngày 24/10/2023 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì: Từ ngày 11/12/2015 đến ngày 03/05/2017, Công ty Đ có vay Ngân hàng S1 theo 07 hợp đồng tín dụng và 08 Khế ước nhận nợ, tổng số tiền đã giải ngân là **21.132.500.000đ.** Cụ thể:

[2.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 618/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 11/12/2015 (bút lục 46) giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ thì Công ty Đ vay số tiền 7.605.000.000đ; đã giải ngân số tiền 7.605.000.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 30 ô tô Kia Morning.

Phương thức: trả gốc nhiều lần theo thoả thuận lịch trả nợ, trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 25/3/2016; trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 9%/năm x dư nợ thực tế x số ngày thực tế trong tháng chia 30 ngày, lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính

lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn. Lãi phạt chậm trả lãi: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi. Phí, thanh toán phí: Bên B (bên vay) phải thanh toán cho bên A các khoản phí theo quy định của bên A (Bên cho vay) trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 11/12/2015, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 618/2015/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 30 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát số 49A-119.74; 49A-120.17; 49A-121.00; 49A-123.16; 49A-117.60; 49A-110.38; 49A-122.22; 49A-122.03; 49A-120.50; 49A-122.78; 49A-121.41; 49A-118.44; 49A-121.38; 49A-121.33; 49A- 121.25; 49A-118.70; 49A-121.83; 49A-121.29; 49A-117.82; 49A-117.13; 49A-122.58; 49A-117.31; 49A-122.56; 49A-120.19; 49A-122.19; 49A-123.30; 49A-122.57; 49A-118.55; 49A-122.23; 49A-122.60 đều của Công ty Đ.

Trong quá trình vay Công ty Đ trả được nợ gốc số tiền 5.706.390.451đ; đã trả lãi trong hạn số tiền 1.081.110.402đ; đã trả lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 51.536.789đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền gốc phải trả = số tiền gốc đã giải ngân – số tiền nợ gốc đã trả; Nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể, đến nay công ty Đ còn nợ số tiền gốc: 1.898.609.549đ; Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 11/12/2015 đến ngày 11/12/2020 số tiền còn nợ là 2.263.109.704đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ là: 1.517.582.267đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ: 633.015.765đ. Tổng cộng 6.312.317.285đ.

[2.2] Theo Hợp đồng tín dụng số 704/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 30/12/2015 giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ thì Công ty Đ vay số tiền 2.652.500.000đ; đã giải ngân số tiền 2.652.500.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 05 ô tô Toyota.

Phương thức: trả gốc nhiều lần theo thoả thuận lịch trả nợ, trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 25/3/2016; trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 9%/năm x dư nợ thực tế x số ngày thực tế trong tháng chia 30 ngày, lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

Lãi phạt chậm trả lãi: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi.

Phí, thanh toán phí: Bên B (bên vay) phải thanh toán cho bên A các khoản phí theo quy định của bên A (Bên cho vay) trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 30/12/2015, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 704/2015/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 05 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, biển kiểm soát số 49A-124.47; 49A-124.00; 49A-124.64; 49A-124.07; 49A-124.95 đều của Công ty Đ.

Trong quá trình vay Công ty Đ trả được nợ gốc 2.652.500.000đ; nợ lãi trong hạn số tiền 335.837.020đ; trả lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 3.903.323đ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể, đến nay công ty Đ còn nợ số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 31/12/2015 đến ngày 31/12/2020 số tiền là 917.437.346đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 17/7/2021 số tiền là: 174.121.552đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ: 272.374.578đ. Tổng cộng 1.363.933.476đ.

[2.3] Theo Hợp đồng tín dụng số 702/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 31/12/2015 giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ thì Công ty Đ vay số tiền 5.070.000.000đ; số tiền giải ngân 5.070.000.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 20 ô tô Kia Morning.

Phương thức: trả gốc nhiều lần theo thoả thuận lịch trả nợ, trả nợ gốc lần đều tiên vào ngày 25/3/2016; trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 9%/năm x dư nợ thực tế x số ngày thực tế trong tháng chia 30 ngày, lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

Lãi phạt chậm trả lãi: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi.

Phí, thanh toán phí: Bên B (bên vay) phải thanh toán cho bên A các khoản phí theo quy định của bên A (Bên cho vay) trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 31/12/2015, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 702/2015/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 20 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát số 49A-124.02; 49A-124.16; 49A-124.99; 49A-124.79; 49A-124.50; 49A-124.85; 49A-124.78; 49A-124.77; 49A-124.13; 49A-124.29; 49A-124.51; 49A-124.53; 49A-124.83; 49A-124.25; 49A-124.73; 49A-124.55; 49A-124.58; 49A-124.17; 49A-124.06; 49A-124.60 đều của Công ty Đ.

Trong quá trình vay Công ty Đ trả được nợ gốc số tiền 4.955.465.410đ; đã trả lãi trong hạn số tiền 638.931.306đ; đã trả lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 5.112.487đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền gốc phải trả = số tiền gốc đã giải ngân – số tiền nợ gốc đã trả; Nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể, đến nay công ty Đ còn nợ số tiền gốc: 114.534.590đ; Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 31/12/2015 đến ngày 31/12/2020 số tiền còn nợ là 1.553.194.290đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ là: 611.856.013đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ: 476.545.379đ. Tổng cộng 2.756.130.272đ.

[2.4] Theo Hợp đồng tín dụng số 121/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 25/3/2016 giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ thì Công ty Đ vay số tiền để vay số tiền 1.060.000.000đ; số tiền đã giải ngân 1.060.000.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền;

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 02 xe ô tô Toyota.

Phương thức: trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 9%/năm x dư nợ thực tế x số ngày thực tế trong tháng chia 30 ngày, lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

Lãi phạt chậm trả lãi: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi.

Phí, thanh toán phí: Bên B (bên vay) phải thanh toán cho bên A các khoản phí theo quy định của bên A (Bên cho vay) trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 25/3/2016, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 121/2016/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 02 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát số 49A-129.24; 49A-128.73 đều của Công ty Đ.

Trong quá trình vay Công ty Đ trả được nợ gốc số tiền 1.060.000.000đ; đã trả lãi trong hạn số tiền 111.536.788đ; đã trả lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 1.312.684đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể, đến nay công ty Đ còn nợ số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 25/3/2021 số tiền 405.681.367đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 26/9/2016 đến ngày 17/7/2021 số tiền: 53.824.462đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền: 118.997.025đ. Tổng cộng 578.502.854đ.

[2.5] Theo Hợp đồng tín dụng số 260/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 09/5/2016 giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ thì Công ty Đ vay số tiền để vay số tiền 530.000.000đ; số tiền giải ngân: 530.000.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô Toyota.

Phương thức: kỳ trả gốc đầu tiên ngày 25/11/2016 và trả lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 9%/năm x dư nợ thực tế x số ngày thực tế trong tháng chia 30 ngày, lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

Lãi phạt chậm trả lãi: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi.

Phí, thanh toán phí: Bên B (bên vay) phải thanh toán cho bên A các khoản phí theo quy định của bên A (Bên cho vay) trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 09/5/2016, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 260/2016/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát số 49A-131.18 đều của Công ty Đ.

Trong quá trình vay Công ty Đ trả được nợ gốc số tiền 530.000.000đ; đã trả lãi trong hạn số tiền 49.371.656đ; đã trả lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 491.884đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể, đến nay công ty Đ còn nợ số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 09/5/2016 đến ngày 09/5/2021 số tiền là 205.361.228đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/11/2016 đến ngày 17/7/2021 số tiền là: 12.992.524đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ: 60.108.091đ. Tổng cộng 278.461.843đ.

[2.6] Theo Hợp đồng tín dụng số 398/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 08/7/2016 giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ thì Công ty Đ vay số tiền để vay số tiền 530.000.000đ; số tiền giải ngân: 530.000.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô Toyota.

Phương thức: trả nợ nhiều lần, kỳ trả gốc đầu tiên ngày 25/01/2017 và trả lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 10,5%/năm, biên độ cho vay 3,3%/năm. Lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

Lãi phạt chậm trả lãi: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi.

Phí, thanh toán phí: Bên B (bên vay) phải thanh toán cho bên A các khoản phí theo quy định của bên A (Bên cho vay) trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 08/7/2016, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 398/2016/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát số 49A-138.57 của Công ty Đ.

Trong quá trình vay Công ty Đ trả được nợ gốc số tiền 530.000.000đ; đã trả lãi trong hạn số tiền 51.078.823đ; đã trả lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 739.479đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn

khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể, đến nay công ty Đ còn nợ số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 08/7/2016 đến ngày 08/7/2021 số tiền là 222.989.271đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/01/2017 đến ngày 17/7/2021 số tiền là: 9.253.610đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ: 65.359.028đ. Tổng cộng 297.601.909đ.

[2.7] Hợp đồng tín dụng số 859/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.120400 ngày 29/11/2016 để vay số tiền 7.470.000.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 30 ô tô Kia Morning.

Phương thức: trả gốc một tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng và ngày đầu tiên trả gốc 25/12/2016 và lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 9%/năm x dư nợ thực tế x số ngày thực tế trong tháng chia 30 ngày, lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

Lãi phạt chậm trả lãi: 150% x lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm chậm trả lãi.

Phí, thanh toán phí: Bên B (bên vay) phải thanh toán cho bên A các khoản phí theo quy định của bên A (Bên cho vay) trong từng thời kỳ.

Số tiền giải ngân lần 01 ngày 02/12/2016 theo Khế ước nhận nợ ngày 02/12/2016 số tiền: 1.225.000.000đ.

Số tiền giải ngân lần 02 ngày 03/5/2017 theo Khế ước nhận nợ ngày 03/5/2017 số tiền: 2.460.000.000đ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ngày 29/11/2016, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 859/2016/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 05 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát số 49A-150.07; 49A-150.50; 49A-150.83; 49A-150.14; 49A-150.05 đều của Công ty Đ. Ngày 28/4/2017, Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và Công ty Đ đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 306/2017/HĐTC-PN/SHB.120400 để thế chấp 10 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát số 49A-165.56; 49A-164.49; 49A-166.00; 49A-166.49; 49A-166.93; 49A-167.06; 49A-167.17; 49A-167.15; 49A-167.80; 49A-167.76 đều của Công ty Đ.

[2.7.1] Đối với số tiền giải ngân lần 01 ngày 02/12/2016 theo Khế ước nhận nợ ngày 02/12/2016 số tiền: 1.225.000.000đ. Trong quá trình vay Công ty Đ trả

được nợ gốc số tiền 687.289.888đ; trả lãi trong hạn số tiền 48.200.618đ; lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 648.983đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền gốc phải trả = số tiền gốc đã giải ngân – số tiền nợ gốc đã trả; nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể, đối với số tiền giải ngân lần 01 ngày 02/12/2016 theo Khế ước nhận nợ ngày 02/12/2016 số tiền: 1.225.000.000đ đến nay công ty Đ còn nợ số tiền gốc: 537.710.112đ; Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 02/12/2016 đến ngày 02/12/2021 số tiền 563.511.772đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 183.360.016đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền: 163.959.312đ. Tổng cộng 1.448.541.219đ.

[2.7.2] Đối với số tiền giải ngân lần 02 ngày 03/5/2017 theo Khế ước nhận nợ ngày 03/5/2017 số tiền: 2.460.000.000đ. Trong quá trình vay Công ty Đ trả được nợ gốc số tiền 2.460.000.000đ; lãi trong hạn: 11.268.818đ; lãi (phí) chậm trả lãi số tiền 86.933đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn công ty Đ trả số tiền nợ lãi trong hạn = lãi trong hạn phát sinh – lãi trong hạn đã trả. Lãi trong hạn phát sinh = số ngày duy trì dư nợ gốc x số dư nợ gốc x lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh trước ngày hết hạn khoản vay = số ngày duy trì nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 50%lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017). Công thức tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày hết hạn khoản vay = Số ngày duy trì dư nợ gốc quá hạn x nợ gốc quá hạn x 150% lãi suất vay/365 ngày. Công thức lãi chậm trả lãi phát sinh = Số ngày chậm trả lãi x Số lãi chậm trả x 150% lãi suất vay/360 ngày (đối với trước 17/04/2017) hoặc 365 ngày (từ 17/04/2017).

Cụ thể: Đối với số tiền giải ngân lần 02 ngày 03/5/2017 theo Khế ước nhận nợ ngày 03/5/2017 số tiền: 2.460.000.000đ đến nay công ty Đ còn nợ số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 03/5/2017 đến ngày 02/12/2021 số tiền 734.557.288đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/5/2017 đến ngày 21/5/2021 số tiền 124.206.839đ; Nợ lãi chậm trả lãi tính từ ngày 25/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền: 232.276.010đ. Tổng cộng 1.091.040.145đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng thừa nhận việc chậm trả số nợ gốc và lãi nên có đủ cơ sở để xác định Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Và Công ty Đ đã ký kết các biên bản bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng S1 chi

nhánh tỉnh L vào các ngày 15/9/2020; 15/10/2020, ngày 17/11/2020 để xử lý thu hồi nợ. Các bên thỏa thuận số tiền bán đấu giá tài sản sau khi trừ các chi phí về việc bán đấu giá thì ưu tiên tiền thu vào nợ gốc và hiện Công ty Đ còn nợ số tiền gốc 2.550.854.251đ nên Ngân hàng S1 yêu cầu Công ty Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 2.550.854.251đ là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Do yêu cầu trả lãi của Ngân hàng S1 là phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên tại các hợp đồng tín dụng nêu trên; phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 nên cần buộc Công ty Đ phải có nghĩa vụ trả các khoản lãi, lãi phạt phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay là phù hợp với thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng mà các bên đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Do đó, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đ phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và nợ lãi chậm trả lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể số tiền nợ gốc là 2.550.854.251đ, nợ lãi trong hạn số tiền 6.865.842.266đ; nợ lãi quá hạn số tiền 2.687.197.283đ; lãi chậm trả lãi số tiền 2.022.635.188đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.8] Để đảm bảo cho các khoản vay thì cùng với việc ký kết các hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L và Công ty TNHH Đ ký các hợp đồng thế chấp tài sản. Theo quy định của Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9, 10 và Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì việc thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo cho việc thi hành án sau này nên cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 618/2015/HĐTC-PN/SHB.120400 ngày 11/12/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L và Công ty TNHH Đ đối với tài sản thế chấp là ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 49A-122.78; 49A-117.13, 49A-122.23; Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 702/2015/HĐTC-PN/SHB.120400 ngày 31/12/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L và Công ty TNHH Đ đối với tài sản thế chấp là ô tô con, nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 49A-124.51; Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 859/2016/HĐTC-PN/SHB.120400 ngày 29/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L và Công ty TNHH Đ đối với tài sản thế chấp là ô tô con, nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 49A-150.05 của Công ty TNHH Đ để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn SHB được chấp nhận nên bị đơn Công ty Đ phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn 14.126.529.003đ = 112.000.000đ + 0,1% vượt quá 4.000.000.000đ) là 122.126.529đ.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 60.651.800đ do ông Trịnh Đình H2 đã nộp thay theo biên lai thu số 0001610 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 342, 343, 344, 347, 348, 349, 350, 351, 355, và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 317, Điều 318, Điều 319, 321, 322, 323 và Điều 327 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 301 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1; Điều 9, 10 và Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* với bị đơn Công ty TNHH Đ .

- Buộc bị đơn Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L số tiền là 14.126.529.003đ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/12/2023), trong đó: số tiền nợ gốc là: 2.550.854.251đ, số tiền nợ lãi trong hạn 6.865.842.266đ, số tiền nợ lãi chậm trả lãi là: 2.022.635.188đ, nợ lãi quá hạn là: 2.687.197.283đ.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn phải thi hành án thì phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng (Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 618/2015/HĐTC-

PN/SHB.120400 ngày 11/12/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L và Công ty TNHH Đ đối với tài sản thế chấp là ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 49A-122.78; 49A-117.13, 49A-122.23; Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 702/2015/HĐTC-PN/SHB.120400 ngày 31/12/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L và Công ty TNHH Đ đối với tài sản thế chấp là ô tô con, nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 49A-124.51; Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 859/2016/HĐTC-PN/SHB.120400 ngày 29/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L và Công ty TNHH Đ đối với tài sản thế chấp là ô tô con, nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 49A-150.05 của Công ty TNHH Đ để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh L được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 60.651.800đ do ông Trịnh Đình H2 đã nộp thay theo biên lai thu số 0001610 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

- Buộc bị đơn Công ty TNHH Đ phải chịu số tiền 122.126.529đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Dương Thị Liên